

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 316/2026/DS-PT
Ngày 14-4-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Bằng

Các Thẩm phán: Ông Trương Hoài Bình

Ông Trần Tuấn Quốc

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Kim Mộc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2026/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2025/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 287/2026/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần Á.

Địa chỉ trụ sở chính: số D, đường N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh N.

Địa chỉ: Lầu H, Tòa nhà A, số D, đường C, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền số: 1710/UQ-QLN.25 ngày 18/12/2025).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: số B, đường C tháng D, phường N, thành phố Cần Thơ.

- **Người kháng cáo:** Ngân hàng thương mại cổ phần Á là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Á (sau đây viết tắt là Ngân hàng A) và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký ngày 23/05/2011; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A; Các văn bản khác của ông Nguyễn Trung H ký với Ngân hàng A về việc sử dụng thẻ tín dụng. Thì Ngân hàng A có cấp thẻ tín dụng cho ông H, chi tiết như sau:

Số thẻ tín dụng: 4791 39** ***** 0461, ngày cấp: 24/5/2011; loại thẻ: V; hạn mức thẻ: 200.000.000 đồng, hiệu lực thẻ: tháng 5/2014; lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A – là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Nguyễn Trung H vi phạm nghĩa vụ trả nợ với A. Do đó, căn cứ thỏa thuận của hai bên về việc chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, thì:

Ngày 28/02/2012, Ngân hàng A chuyển khoản nợ thẻ sang nợ quá hạn, đồng thời quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ dư nợ thẻ chưa thanh toán của ông Nguyễn Trung H.

Ngày 01/12/2022, Ngân hàng A ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng nêu trên.

Tính đến ngày 01/12/2022, ông Nguyễn Trung H còn nợ Ngân hàng A các khoản sau:

Vốn gốc: 231.483.009 đồng; lãi quá hạn: 1.032.498.304 đồng; Tổng cộng: 1.263.981.313 đồng.

Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc ông Nguyễn Trung H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A tổng số nợ còn thiếu, tính đến ngày 29/8/2025 là 1.540.410.078 đồng. Trong đó nợ gốc là 231.483.009 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.308.927.069 đồng.

2. Ông Nguyễn Trung H còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A tính kể từ ngày 30/8/2025 đến ngày trả hết nợ.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Trung H: dù đã được Toà án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và triệu tập tham dự phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không lý do, đồng thời cũng chưa thể hiện ý kiến bằng văn bản đối với nội dung tranh chấp trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2025/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn ông Nguyễn Trung H.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Trung H phải thanh toán cho Ngân hàng A số tiền gốc tính đến ngày 29/8/2025 là 215.000.000 đồng (hai trăm mười lăm triệu đồng) và lãi quá hạn là 1.134.532.774 đồng (một tỷ một trăm ba mươi bốn triệu năm trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng).

3. Ngoài ra ông Nguyễn Trung H phải tiếp tục trả lãi phát sinh tính từ ngày 30/8/2025 trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký ngày 23/05/2011; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23/9/2025, Ngân hàng A có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2025/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Trung H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A tổng số nợ còn thiếu, tính đến ngày 14/4/2026 là 1.583.998.646 đồng. Trong đó nợ gốc là 231.483.009 đồng, lãi quá hạn là 1.352.515.637 đồng.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ cho rằng:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của Ngân hàng A nộp trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận và xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng A:

[2.1] Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký ngày 23/5/2011; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A và các tài liệu liên quan, Ngân hàng A đã cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Trung H với hạn mức 200.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông H đã thực hiện các giao dịch thanh toán, rút tiền và phát sinh nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Quan hệ giữa các bên là quan hệ hợp đồng tín dụng phát sinh từ việc sử dụng thẻ tín dụng,

được điều chỉnh theo thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật về hoạt động ngân hàng. Quá trình sử dụng thẻ, ông Nguyễn Trung H không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán dư nợ theo quy định nên Ngân hàng A đã thực hiện quyền chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn, chấm dứt quyền sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ dư nợ theo thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản các điều khoản, điều kiện sử dụng thẻ tín dụng. Việc Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán toàn bộ dư nợ là có căn cứ.

[2.2] Bị đơn ông Nguyễn Trung H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng không tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp về quá trình cấp thẻ, sử dụng thẻ, dư nợ và lãi phát sinh được xem xét làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2.3] Đối với số tiền nợ: Ngân hàng A xác định đến ngày 29/8/2025 ông Nguyễn Trung H còn nợ tổng cộng 1.540.410.078 đồng, trong đó vốn gốc 231.483.009 đồng và lãi quá hạn 1.308.927.069 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc 215.000.000 đồng và lãi quá hạn 1.134.532.774 đồng, không chấp nhận toàn bộ số tiền theo yêu cầu của Ngân hàng. Tuy nhiên, đối chiếu các bảng kê giao dịch, sao kê dư nợ thẻ tín dụng và bảng tính lãi do Ngân hàng A cung cấp thể hiện số dư nợ gốc và lãi phát sinh được xác định theo đúng thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Các tài liệu này phù hợp với quá trình phát sinh giao dịch và được lưu trữ trong hệ thống quản lý thẻ của Ngân hàng. Bị đơn không có ý kiến phản đối hoặc cung cấp chứng cứ chứng minh số liệu do Ngân hàng cung cấp là không đúng. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ số tiền gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng là chưa phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và chưa đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2.4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Ngân hàng đã nhập các khoản phí, lãi và phạt chậm trả vào dư nợ gốc để tiếp tục tính lãi, từ đó xác định là “tính lãi chồng lãi” và chỉ chấp nhận số tiền gốc 215.000.000 đồng là chưa phù hợp. Theo hồ sơ vụ án, quan hệ giữa Ngân hàng A và ông Nguyễn Trung H được xác lập trên cơ sở Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 23/5/2011 và Bản các điều khoản, điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A. Trong các tài liệu này, các bên đã thỏa thuận rõ về phương thức xác định dư nợ thẻ, nghĩa vụ thanh toán của chủ thẻ và cách thức ghi nhận dư nợ theo từng kỳ sao kê. Theo cơ chế hoạt động của thẻ tín dụng, khi chủ thẻ không thanh toán đầy đủ số tiền đến hạn theo sao kê thì toàn bộ dư nợ của kỳ trước sẽ được chuyển sang kỳ tiếp theo để tiếp tục quản lý và tính lãi theo thỏa thuận. Đây là phương thức quản lý dư nợ đặc thù của hoạt động thẻ tín dụng và đã được các bên chấp thuận khi giao kết hợp đồng. Vì vậy, việc Ngân hàng xác định dư nợ theo bảng sao kê và chuyển dư nợ sang kỳ tiếp theo để tính lãi không

phải là hành vi nhập lãi trái pháp luật hay “tính lãi chồng lãi” như nhận định của cấp sơ thẩm.

[2.5] Đối với nhận định của cấp sơ thẩm cho rằng Ngân hàng không chứng minh được việc thông báo thay đổi lãi suất cho bị đơn nên không có cơ sở chấp nhận mức lãi suất do Ngân hàng áp dụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A, các bên đã thỏa thuận lãi suất và các loại phí được xác định theo Biểu lãi suất và phí do Ngân hàng ban hành trong từng thời kỳ, đồng thời Ngân hàng có quyền điều chỉnh và thông báo cho chủ thẻ trong quá trình sử dụng. Đây là nội dung đã được các bên chấp thuận khi xác lập hợp đồng tín dụng thẻ và là bộ phận không tách rời của hợp đồng. Do đó, việc áp dụng mức lãi suất theo biểu lãi suất do Ngân hàng ban hành trong từng thời kỳ là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên. Nhận định của cấp sơ thẩm cho rằng Ngân hàng không chứng minh được việc thông báo thay đổi lãi suất để bác bỏ mức lãi suất mà Ngân hàng áp dụng là chưa xem xét đầy đủ nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng thẻ.

[2.6] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ngân hàng A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định đến ngày 14/4/2026 ông Nguyễn Trung H còn nợ tổng cộng 1.583.998.646 đồng, trong đó vốn gốc 231.483.009 đồng và lãi quá hạn 1.352.515.637 đồng. Việc tính lãi tiếp tục phát sinh trên cơ sở dư nợ gốc và theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản các điều khoản, điều kiện sử dụng thẻ tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật về hoạt động ngân hàng và thỏa thuận giữa các bên.

[2.7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần Á là có căn cứ nên cần chấp nhận; cần sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2025/DS-ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ theo hướng buộc ông Nguyễn Trung H thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng A theo yêu cầu như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Á.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2025/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ.

Áp dụng: Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1; Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/QĐ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội

đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Á đối với bị đơn ông Nguyễn Trung H.

2. Buộc ông Nguyễn Trung H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á số tiền còn nợ (theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 23/5/2011) tính đến ngày 14/4/2026 là 1.583.998.646đ (Một tỷ năm trăm tám mươi ba triệu chín trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng), gồm: nợ gốc là: 231.483.009đ (Hai trăm ba mươi một triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn không trăm lẻ chín đồng); nợ lãi quá hạn là: 1.352.515.637đ (Một tỷ ba trăm năm mươi hai triệu năm trăm mười lăm nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng).

3. Kể từ ngày 15/4/2026, khách hàng vay phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Trung H phải chịu 59.520.000đ (Năm mươi chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á 24.960.000đ (Hai mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001264 ngày 06/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng thương mại cổ phần Á không phải chịu. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004301 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 1 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Bằng